



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS và Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 31/2022

(02/08/2022 – 08/08/2022)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu khô, chỉ số BDI tiếp tục giảm mạnh 20%, ghi nhận từ mức 1.872 xuống còn 1.560 điểm, thấp nhất kể từ 02/2022. Tuần qua cước phân khúc Capesize giảm mạnh 32% so với tuần trước và con số này lần lượt là 13,7% và 10,9% đối với phân khúc Supramax và Handysize. Cước các phân khúc đều giảm là do hiện nay hàng hóa kém hơn. Mặc dù giá một số tàu vẫn còn ở neo ở mức tương đối cao song khá nhiều tàu chủ tàu đã chấp nhận thay đổi giá phù hợp với người Mua. Tuy nhiên mức giảm này vẫn còn khiêm tốn chỉ khoảng 10-15% trong khi cước thuê tàu đã giảm 30-40% so với mức đỉnh điểm (phân khúc Handysize). Tuần này, cặp tàu **Eco Angelbay** (32.165 dwt, đóng 2009) và **Eco Bushfire** (32.081 dwt, đóng 2011) được chủ tàu Brave Maritime bán với giá lần lượt là 18,5 triệu đô la Mỹ và 20,5 triệu đô la Mỹ (tổng giá hai tàu là 39 triệu đô la Mỹ). Mức giá này vẫn cao hơn so với tháng 06/2022, chủ tàu Hong Kong Taylor Maritime bán 2 tàu 32k đóng 2009 Nhật là **Mega Maggie** (31.922 dwt, hạn đà DD/SS 02/2024) và **Golden Bonnie** (32.280 dwt, hạn lên đà DD 1 tháng sau khi mua, SS 07/2024) với giá lần lượt là 17,5 triệu đô la Mỹ và 17,2 triệu đô la Mỹ. Ở phân khúc 27-28k dwt tuần qua có chủ tàu Hà Lan MUR bán tàu **African Falcon** (27.101 dwt, đóng 2003 Trung Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, vừa qua đà 06/2022) cho người Mua Ai Cập với giá khoảng 11,5 triệu đô la Mỹ. Trong khi đó, tháng trước tàu trẻ hơn đóng Nhật **Sunrise** (29.828 dwt, đóng 2006, hạn đà đến hạn DD/SS 08/2022) chỉ bán với giá khoảng 11,7 triệu đô la Mỹ. Tháng 03/2022 tàu **Port Botany** (28.470 dwt, đóng 2001 Nhật) chót ở mức 8,8 triệu đô la Mỹ nhưng thương vụ đổ vỡ vào giờ chót thì nay đã bán lại thành công ở mức khoảng 9,6 triệu đô la Mỹ. Tàu đã lắp hệ thống xử lý nước dằn và đặc biệt lắp máy lọc khí scrubber để đốt được dầu lưu huỳnh cao, hạn đà còn xa DD 11/2024, SS 09/2026. Giá bán tàu **Port Botany** tương đối cao trong thời điểm này do trên thị trường có tàu tương tự trẻ hơn một tuổi hiện chủ tàu chỉ yêu cầu trên 9 triệu đô la Mỹ. Hiện nay, sau nhiều tháng vắng bóng thì các chủ tàu Nhật đang khá tích cực chào bán tàu Handysize ra thị trường nhưng chủ yếu là tàu trẻ dưới 10 tuổi.

Thị trường tàu dầu vẫn tiếp tục khởi sắc. Cước thuê tàu chở sản phẩm hóa dầu tăng mạnh trong bối cảnh “khủng hoảng nhiên liệu” sau khi tổ chức OPEC chỉ tăng “nhỏ giọt” sản lượng dầu khai thác trong tháng 9, tương ứng mức 0,1%/ngày/nhu cầu dầu toàn cầu. Cước vận chuyển các sản phẩm hóa dầu chưa từng cao đến vậy kể từ đầu năm 2020. Tuy nhiên, các mức cước được ghi nhận vẫn chưa phải là cao nhất và sẽ còn tăng nữa do mối tương quan giữa thị trường thực tế với mức cước đàm phán có độ trễ nhất định. Theo đó, các giao dịch mua bán tàu dầu cũng nhanh chóng thiết lập nhiều mốc tham chiếu mới. Đơn cử như tàu chemical IMO III **Orwell** (51.745 dwt, đóng 2010 Hàn, DD 11/2023, SS 08/2025) bán thành công với giá khoảng 25 triệu đô la Mỹ. Mức giá này cao hơn hẳn tàu **Grand** (50.129 dwt, đóng 2008 Hàn, DD/SS 11/2023) bán cách đây 3 tuần với giá khoảng 19 triệu đô la Mỹ. Hai tàu trên đều đã lắp hệ thống xử lý nước dằn. Tuần qua ghi nhận tàu chemical IMO III **Stefanie** (37.248 dwt, đóng 2003 Hàn, DD/SS 07/2023) bán với giá khoảng 10,8 triệu đô la Mỹ. Đầu tháng 7, tàu tương tự **Fresia** (37.320 dwt, đóng 2003 Hàn, DD/SS

11/2023) bán với giá khoảng 8,1 triệu đô la Mỹ. Trước mắt việc các quốc gia Châu Âu cứng rắn trong việc giảm phụ thuộc vào nguồn cung của Nga sẽ khiến các tuyến thương mại nhộn nhịp hơn, dù thiếu ổn định song vẫn là cơ hội để tận dụng sức nóng của thị trường.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS						
Ekaterini	2012	China	173,555	32.50	Estonian, Klip Marine	BWTS fitted, M/E Wartsila, DD/SS 05/2023
Kriton	2003	Korea	73,975	15.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 11/2023
Princess Jasmine	1997	Japan	73,867	6.00	Undisclosed	
Nautical Anne	2016	China	63,593	31.00	Undisclosed	BWTS & Scrubber fitted
Equinox Voyager	2002	Croatia	52,000	15.30	Chinese	Old sale 07/2022, DD/SS passed 05/2022
Miss Simona	2010	Korea	34,529	16.80	Greek	BWTS fitted, DD 08/2023, SS 06/2025
Eco Angelbay	2009	Japan	32,165			DD/SS due 08/2022
Eco Bushfire	2011	Japan	32,081	39.00	Undisclosed	DD 02/2025, SS 04/2026
African Falcon	2003	China	27,101	11.50	Egyptian	BWTS fitted, DD/SS freshly passed 06/2022, next DD 06/2025, SS 06/2027, Dutch owner
Port Botany	2001	Japan	28,470	9.60	Undisclosed	BWTS & Scrubber fitted, DD 11/2024, SS 09/2026
TANKERS						
Maran Andromeda	2005	Korea	320,472	37.00	Undisclosed	DD due 09/2022, SS 01/2025
Tinat	2002	Korea	316,502	29.50	Undisclosed	<i>Revised the price (last week recorded at USD 20.0M),</i> DD/SS due 09/2022
Altair Trader	2005	Japan	311,110	36.00	Undisclosed	DD 09/2023, SS 05/2025
SPM Strength	2002	Korea	159,314	17.50	Chinese	BWTS fitted, DD/SS postponed 10/2022
Ridgebury Lindy B	2007	Japan	146,356	33.00	Stealth Gas	BWTS & Scrubber, ice class, DD 05/2025, SS 01/2027
Voyager I	2002	Japan	106,638	14.50	Chinese	DD/SS due 10/2022
Stride	2009	Korea	105,369	32.00	Undisclosed	BWTS fitted, ice class, DD passed 07/2022, next DD/SS 05/2024
Orwell	2010	Korea	51,745	25.00	United Overseas Group	BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy phenolic coated, DD 11/2023, SS 08/2025
Jal Upsana	2009	Japan	46,846			Old sale, chemical IMO II, epoxy coated, <i>Jal Upsana</i> (DD 11/2024, SS 07/2026), <i>Jal Sasvata</i> (DD/SS 04/2024)
Jal Sasvata	2006	Japan	46,590	33.50	Bangladeshi, Doria Shipping	

Stefanie	2003	Korea	37,248	10.80	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy phenolic coated, ice class, DD/SS 07/2023
Esther	2005	Korea	36,990	11.50	Undisclosed	Bss dely 12/2022, Chemical IMO II/III, epoxy coated, ice class, DD 10/2023, SS 07/2025
Tiger Perseverance	2019	Japan	12,267	Undisclosed	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS 01/2024
Tiger Reliance	2018	Japan	12,259			BWTS fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS 07/2023
CONTAINER						
Caribbean Express	2007	Germany	23,896	30.10	Norwegian, Songa Investments	1706 teu, fully cellular, CR 3x40T, ice class, DD/SS last recored 06/2022
Kalliroe	2011	China	23,292	35.00	Undisclosed	1740 teu, fully cellular, CR 2X45T, DD 11/2023, SS 01/2026, Greek owner
A Kibo	2008	Japan	21,937	30.00	Undisclosed	1708 teu, fully cellular, gearless, DD/SS passed 04/2022, next DD 04/2025, SS 03/2027
OTHERS						
Methane Shirley Elisabeth	2007	Korea	78,997	54.00	Undisclosed	LNG 142100 cbm, turbine driven LNG carrier, DD 03/2023, SS 03/2025
Bastogne	2002	Korea	26,616	20.00	Undisclosed	LPG, 34861 cbm, BWTS fitted, DD/SS passed 06/2022, next DD 06/2025, SS 06/2027
Maersk Humber	1998	Japan	23,292	12.20	Undisclosed	LPG 20510 cbm, DD 06/2023, SS 05/2025

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)					Trong 5 năm qua		
		Ngày 05/08	Ngày 01/07	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	63.50	63.50	0.0	36.0	51.5	63.5
180k dwt	5 tuổi	53.50	53.50	0.0	24.0	35.0	53.5
170k dwt	10 tuổi	35.50	37.50	-5.3	15.0	25.2	37.5
150k dwt	15 tuổi	23.00	24.50	-6.1	8.0	15.9	24.5
PANAMAX							
82k dwt	Resale	43.00	44.50	-3.4	24.5	32.7	45.0
82k dwt	5 tuổi	36.50	38.00	-3.9	15.5	25.5	38.5
76k dwt	10 tuổi	27.00	29.00	-6.9	8.5	16.8	29.5
74k dwt	15 tuổi	19.00	19.75	-3.8	5.3	11.3	19.8
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	41.50	42.00	-1.2	22.0	30.1	42.5
58k dwt	5 tuổi	33.00	34.00	-2.9	13.5	20.1	34.5
56k dwt	10 tuổi	24.00	24.00	0.0	9.0	14.9	24.5
52k dwt	15 tuổi	18.50	19.00	-2.6	5.5	10.3	19.0

Giá trị tàu dầu (đv: triệu đô la Mỹ)					Trong 5 năm qua		
		Ngày 05/08	Ngày 01/07	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
VLCC							
310k dwt	Resale	110.00	106.00	3.8	82.0	93.0	110.0
310k dwt	5 tuổi	84.50	80.50	5.0	62.0	68.9	84.5
250k dwt	10 tuổi	58.50	56.50	3.5	38.0	46.1	58.5
250k dwt	15 tuổi	40.50	39.00	3.8	21.5	30.9	40.5
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	80.00	76.00	5.3	54.0	63.7	80.0
150k dwt	5 tuổi	59.50	55.50	7.2	40.0	47.1	59.5
150k dwt	10 tuổi	43.00	41.50	3.6	25.0	31.8	43.0
150k dwt	15 tuổi	28.00	27.00	3.7	16.0	19.1	28.0
AFRIMAX							
110k dwt	Resale	69.00	66.00	4.5	43.5	50.7	69.0
110k dwt	5 tuổi	53.50	50.50	5.9	29.5	36.7	53.5
105k dwt	10 tuổi	38.00	37.00	2.7	18.0	24.3	38.0
105k dwt	15 tuổi	25.750	25.00	3.0	11.0	14.8	25.8

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	33.50	34.00	-1.5	17.5	24.6	34.0
37k dwt	5 tuổi	29.00	29.50	-1.7	12.0	18.0	29.5
32k dwt	10 tuổi	20.50	21.00	-2.4	6.5	11.6	21.0
28k dwt	15 tuổi	15.00	15.00	0.0	3.8	7.2	15.0

MR

52k dwt	Resale	46.00	44.50	3.4	33.0	37.5	46.0
52k dwt	5 tuổi	37.50	34.00	10.3	23.0	27.9	37.5
45k dwt	10 tuổi	26.50	25.50	3.9	14.5	18.3	26.5
45k dwt	15 tuổi	18.50	17.00	8.8	9.0	11.2	18.5

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	174,000 cbm	-	2	Hudong Zhonghua	Hong Kong	10/2025 – 03/2026	Twin engined
VLEC	99,000 cbm	13.00	2+2	Hudong Zhonghua	Tianjin Southwest Maritime	2025	
LPG	86,700 cbm	90.00	1	Undisclosed	NYK Lines	2025	LPG/NH3 carrier

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)				Trong 5 năm qua		
	Ngày 05/08	Ngày 01/07	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất

TÀU HÀNG KHÔ

Capesize (180.000 dwt)	65.5	65.0	0.8	41.8	51.3	65.5
K.sarmax (82.000 dwt)	40.0	40.0	0.0	24.3	31.3	40.0
P.max (77.000 dwt)	37.5	37.5	0.0	23.8	30.0	37.5
Ultramax (64.000 dwt)	37.5	37.5	0.0	22.3	29.2	37.5
Handysize (37.000 dwt)	34.5	34.5	0.0	19.5	25.4	34.5

TÀU CONTAINER

Post P.max (9.000 teu)	124.5	124.5	0.0	83.0	95.5	124.5
P.max (5.200 teu)	67.5	67.5	0.0	42.5	53.8	67.5
Sub P.max (2.5000 teu)	36.5	36.5	0.0	26.0	32.2	36.5
Feeder (1.700 teu)	28.0	28.0	0.0	18.6	24.1	28.0

Giá tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)				Trong 5 năm qua		
	Ngày 05/08	Ngày 01/07	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất

TÀU DẦU

VLCC (300.000 dwt)	120.0	120.0	0.0	80.0	93.1	120.0
S.max (170.000 dwt)	82.0	82.0	0.0	53.0	62.2	82.0
A.max (115.000 dwt)	65.0	65.0	0.0	43.0	50.6	65.0
LR1 (75.000 dwt)	60.0	60.0	0.0	42.0	47.8	60.0
MR (56.000 dwt)	44.0	44.0	0.0	32.5	36.4	44.0

TÀU GAS

LNG (175k cbm)	230.0	230.0	0.0	180.0	190.5	230.0
LPG LGC (80k cbm)	78.0	78.0	0.0	70.0	72.2	78.0
LPG MGC (55k cbm)	70.0	70.0	0.0	62.0	64.4	70.0
LPG SGC (25k cbm)	47.5	47.5	0.0	40.0	43.3	47.5

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU**3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:**

Tuần đầu tháng 8 không mấy thuận lợi đối với phân khúc **Ultramax** và **Supramax**, tình trạng thiếu nhu cầu chở hàng dẫn đến cước giảm. Cụ thể cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 18.698 đô la Mỹ, giảm 2.983 đô la Mỹ so với mức 21.681 của tuần trước. Phía Thái Bình Dương, cước tàu giao ngay đối với chuyến backhaul và xuyên Thái Bình Dương giảm bởi có ít nhu cầu chở hàng mới trong khu vực. Có tin tàu **Vosco Sunrise** (57.472 dwt, đóng 2013) được chốt đi từ CJK đến Việt Nam với giá khoảng 12.000 đô la Mỹ, nhưng chưa có thông tin cụ thể. Tàu **Lucky Source** (53,411 dwt, đóng 2007) được chốt đi từ Hồng Kông đến Trung Quốc với giá khoảng 14.500 đô la Mỹ. Cước ở Đại Tây Dương tiếp tục giảm do tình hình thị trường yên ắng kéo dài. Có tin tàu **Global Brave** (57.317 dwt, đóng 2010) neo ở Casablanca được chốt đến Bồ Tây Trung Mỹ với giá khoảng 18.250 đô la Mỹ. Tương tự, cước các chuyến fronthaul cũng giảm. Thêm tin tàu **Vita Kouan** (63.323 dwt, đóng 2016) được chốt đi từ Rio Grande đến Bangladesh với giá khoảng 18.500 đô la Mỹ.

Không như mong đợi, cước trung bình phân khúc **Handies** trong tuần đóng cửa ở mức 19.046 đô la Mỹ, giảm 2.068 đô la Mỹ so với mức 21.114 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường ở khu vực Đại Tây Dương không có nhiều hoạt động do ngày Quốc Khánh ở Geneva, Thụy Sĩ diễn ra vào đầu tuần qua. Mặc dù có ghi nhận nhiều nhu cầu chở hàng ở Lục Địa, nhưng cước lại bắt đầu giảm nhanh do số lượng tàu chờ ở khu vực này tăng đáng kể. Bất chấp có thỏa thuận về xuất khẩu ngũ cốc giữa Nga và Ukraine như đã đề cập ở vài tuần trước, có rất ít các chuyến tàu chở hàng rời từ khu vực Biển Đen dù cho thị trường ở đây vừa được cải thiện.

Các chủ tàu định giá khoảng 14.000-17.000 đô la Mỹ đối với các chuyến đi xuyên Đại Tây Dương đến Mỹ và giảm nhẹ đối với các chuyến đến Nam Mỹ, đơn cử tàu **Friendly Islands** (28.387 dwt, đóng 2012) được chốt một chuyến khoảng 50 ngày, đi từ Gibraltar qua Bờ Đông Nam Mỹ và trả tàu ở Ý với giá khoảng 13.500 đô la Mỹ. Cước ở khu vực Vịnh Hoa Kỳ giảm do có ít hoạt động chở hàng ở khu vực này. Phía Nam Mỹ, tàu **Maputo** (34.408 dwt, đóng 2010) được AEC chốt đi từ Necochea đến Bắc Brazil với giá khoảng 24.000 đô la Mỹ. Tàu **Western Maple** (32.493 dwt, đóng 2010) được Pacific Basin đàm phán đi từ Barcarena, trả tàu ở Aveiro với giá khoảng 25.000 đô la Mỹ. Tàu **Alberto Topic** (34.356 dwt, đóng 2015) được Alberta chốt giao tàu nguyên trạng, đi từ Recalada đến Tunisia với giá khoảng 28.000 đô la Mỹ. Khu vực Bắc Trung Quốc-Nhật Bản ghi nhận ít nhu cầu chở hàng mới đối với các chuyến xuyên Thái Bình Dương. Ở Vịnh Ba Tư, tàu **Unison Jasper** (37.296 dwt, đóng 2019) được Lauritzen chốt giao nguyên trạng, đi từ Jubail qua vùng Vịnh đến khu vực Vịnh Hoa Kỳ-Bờ Đông Hoa Kỳ với giá khoảng 24.500 đô la Mỹ. Một tàu chở gỗ khoảng 32.000 dwt neo ở Đài Bắc, Trung Quốc được chốt 2 chuyến chở đầy hàng với giá khoảng 22.750 đô la Mỹ. Tàu **CSE Fortune Express** (36.155 dwt, đóng 2014) cũng neo ở Đài Bắc, Trung Quốc được chốt và trả tàu ở Đông Nam Á với giá khoảng 16.000 đô la Mỹ. Một tàu chở gỗ khoảng 33.000 dwt neo ở CJK, Trung Quốc được chốt một chuyến backhaul với khoảng 20.000 đô la Mỹ. Ở mảng thuê định hạn, một tàu khoảng 33.000 dwt sau khi lên đà ở Đại Liên, Trung Quốc được thuê định hạn 1 năm với giá khoảng 19.000 đô la Mỹ/ngày. Tàu **Yangtze Classic** (32.503 dwt, đóng 2012) neo ở Vịnh Bell được Baltnav thuê từ 3-5 tháng với giá khoảng 25.000 đô la Mỹ/ngày.

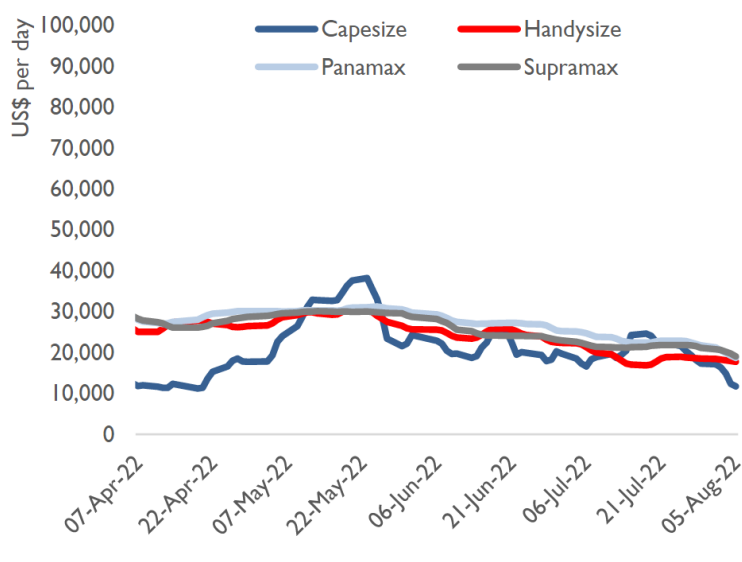
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 31/2022 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 31	TUẦN 30	Mức thấp nhất năm 2022 (cập nhật tới Tuần 31)	Mức cao nhất năm 2022 (cập nhật tới Tuần 31)
TRANSATLANTIC RV	19,020	18,920	10,675	30,505
TCT CONT/F.EAST	27,277	27,841	23,623	40,768
TCT F.EAST/CONT	12,185	13,161	12,185	26,255
TCT F.EAST RV	15,350	16,796	15,350	32,888
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	19,020	22,797	15,667	33,992
PACIFIC RV	17,071	22,150	17,071	35,250
TCT CONT/F.EAST	19,250	19,521	19,250	32,588

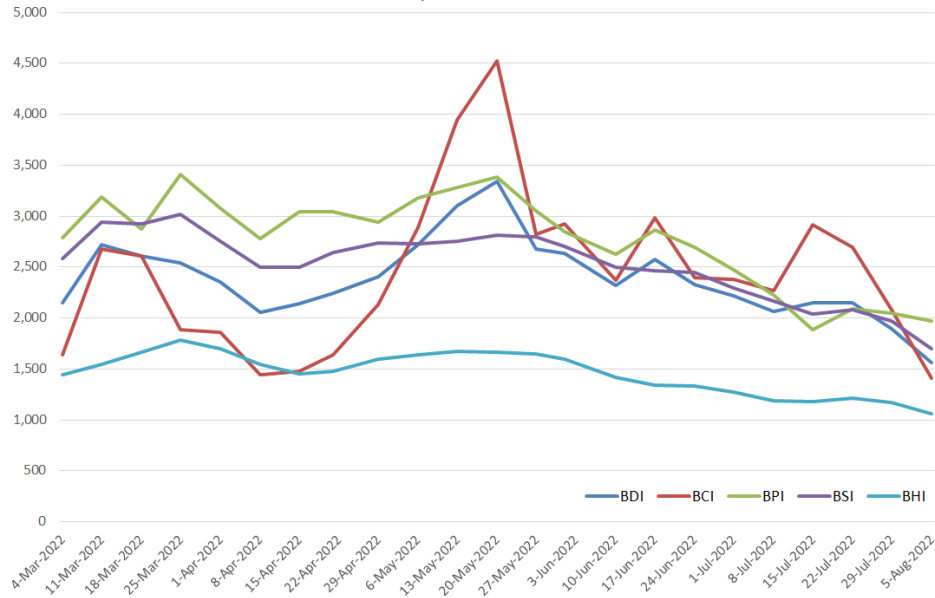
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 05/08/2022

	US\$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	19,698	▼	1,983
HANDIES	19,046	▼	2,178

(so sánh với giá trị ngày 29/07/2022)



CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ



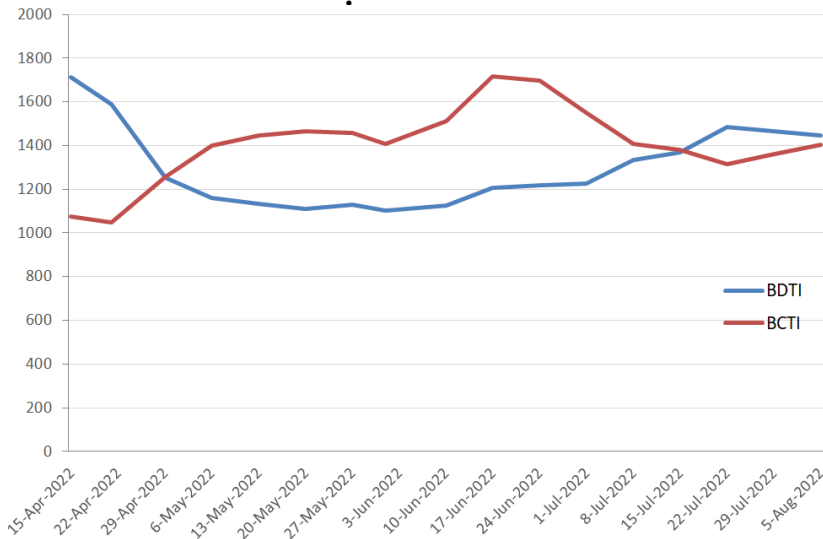
3.2. Thị trường thuê tàu dầu:

Ở mảng thuê tàu dầu, MOL chốt thuê tàu *Pacific Voyager* (302.290 dwt, đóng 2009 Nhật) khai thác 1 năm với giá khoảng 25.000 đô la Mỹ. VITOL chốt thuê tàu *Navig8 Precision* (109.994 dwt, đóng 2018 Trung Quốc) khai thác 9 tháng với giá khoảng 39.000 đô la Mỹ và Union Maritime chốt thuê tàu *Yasa Seagull* (49.999 dwt, đóng 2017 Hàn) khai thác 9-12 tháng với giá khoảng 30.000 đô la Mỹ.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 31			Giá thuê tàu định hạn tuần 30		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	26,000	33,000	37,500	26,500	32,000	37,000
SUEZMAX	23,500	23,500	30,000	23,000	22,500	29,000
AFRAMAX	24,500	24,000	27,000	23,500	22,500	26,500
LR-2	28,500	29,500	30,000	27,000	28,500	29,500
LR-1	24,000	22,000	24,000	23,500	21,000	23,000
MR	23,000	20,000	19,000	22,000	19,500	19,000
HANDY	19,000	17,500	17,000	18,750	18,000	17,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



(Chú thích: BCTI - chỉ số cước vận tải tàu dầu thành phẩm, BDTI - chỉ số cước vận tải tàu dầu thô)

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

Vài tuần lễ gần đây thị trường tàu phá dỡ liên tục thiếu hụt tàu và có thể tiếp tục kéo dài trong lai gần. Bởi lẽ thị trường tàu dầu đang trên đà phục hồi do nhu cầu vận chuyển nhiên liệu dự trữ cho mùa đông tăng cao, cước thuê tàu đã tăng đáng kể khiến các Chủ tàu thay vì bán phá dỡ như trước đây, chuyển hướng sang bảo dưỡng để tiếp tục khai thác chạy đường dài. Mặt khác, cước thuê tàu hàng khô tuy giảm mạnh vài tuần qua song giá tàu vẫn còn neo ở mức chấp nhận được. Đồng thời giai đoạn này đang là mùa hè/mùa lễ hội nên không chỉ hoạt động ở các quốc gia phá dỡ bị ngưng trệ. Định kỳ mỗi khi vào mùa này trong năm, người lao động có xu hướng nghỉ lễ/tận hưởng mùa hè khá nhiều (đặc biệt là sau vài năm gián đoạn bởi Covid-19). Như vậy, có thể thị trường phá dỡ sẽ khá ảm đạm trong vòng vài tuần/tháng hoặc nặng nề hơn là đến cuối năm, cho đến khi thị trường có cơ hội thiết lập lại và ổn định hơn.

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	570		580	
2	India	560		570	
3	Pakistan	550		560	
4	Turkey	240	▼ 20	250	▼ 20

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 31/2022

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Queensway	Tanker	1992	23,128	India	520.00	159,878	Floating storage – sold for HKC compliant green recycling
Ever Judger	Bulker	2014	13,500	Undisclosed	-	82,000	As is Indonesia, sold as is at auction in fire damaged condition

**CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU**

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.